

Ngày	10,800 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	14.3%	16.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,229 - 11,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	863
Số lượng CPLH (CP)	79,866,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	343,290
Sở hữu nước ngoài	4.4%
Beta	0.74
EPS	1,124
P/E	9.6

DT thuần

Q1/24

268

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.0| -7.8%

YoY: ▼8.00| -2.8%

LN trước thuế

Q1/24

35.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.2| -34.1%

YoY: ▲ 16.8| 91.3%

LN sau thuế

Q1/24

27.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.3| -34.3%

YoY: ▲ 13.6| 97.7%

ROA

2023

4.5%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2023

1,077

tỷ VNĐ

YoY: ▼103| -8.8%

LN trước thuế

2023

98.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.20| 4.5%

LN sau thuế

2023

75.6

tỷ VNĐ

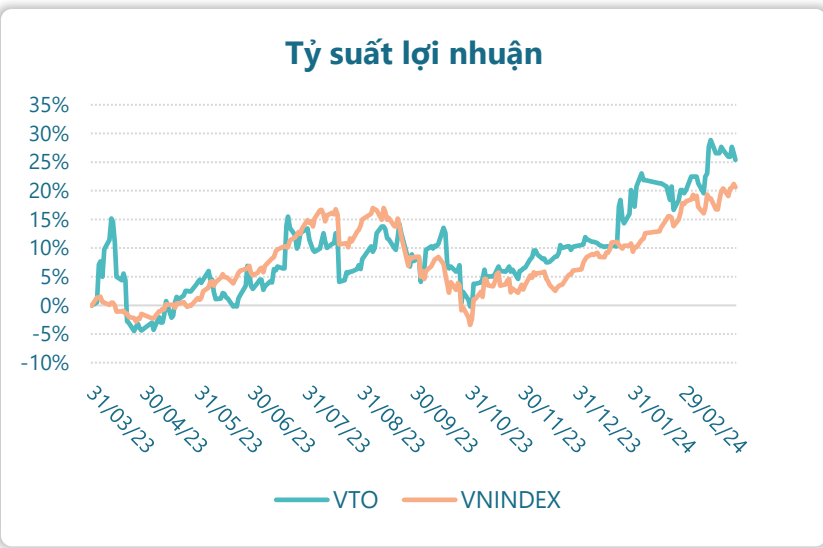
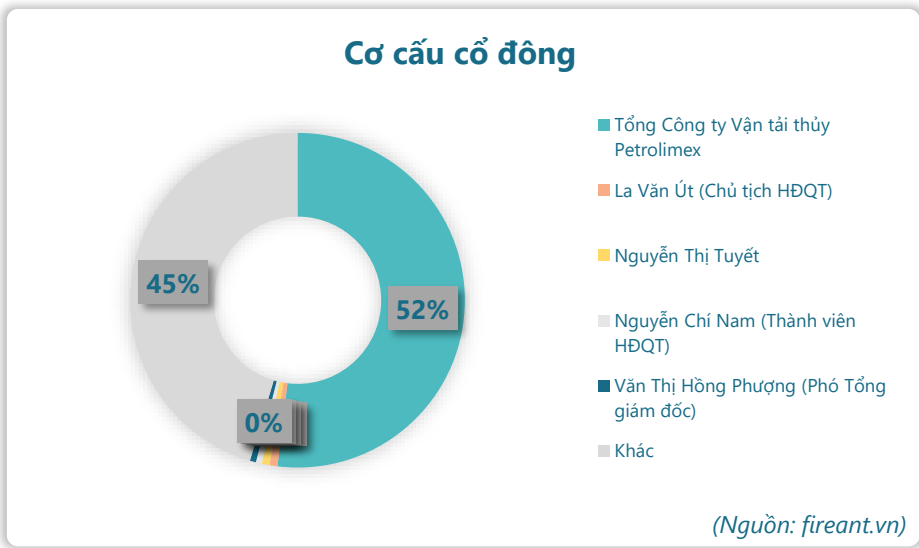
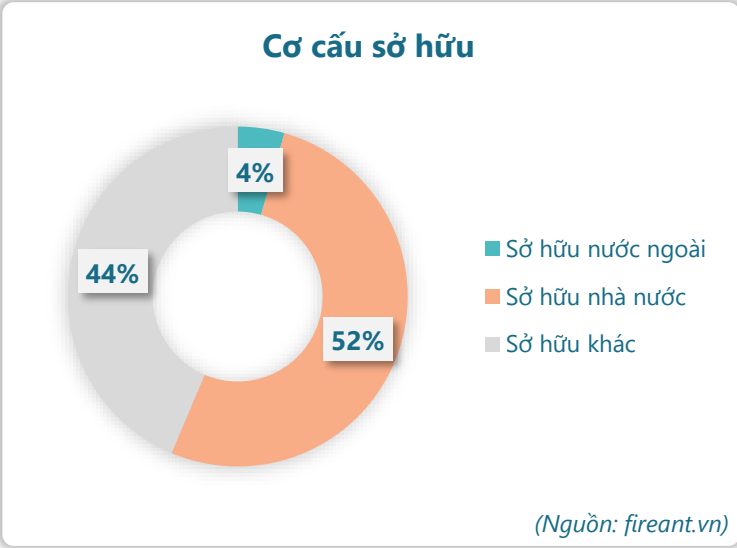
YoY: ▲ 2.30| 3.1%

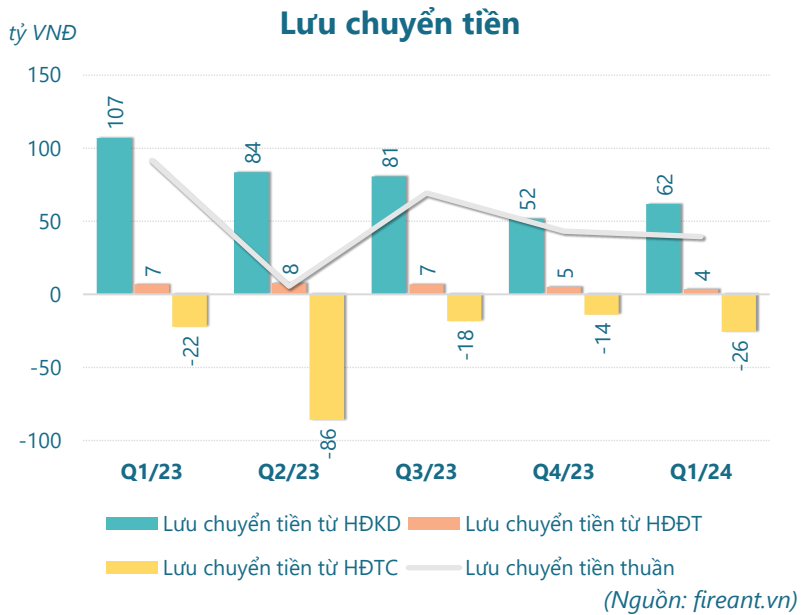
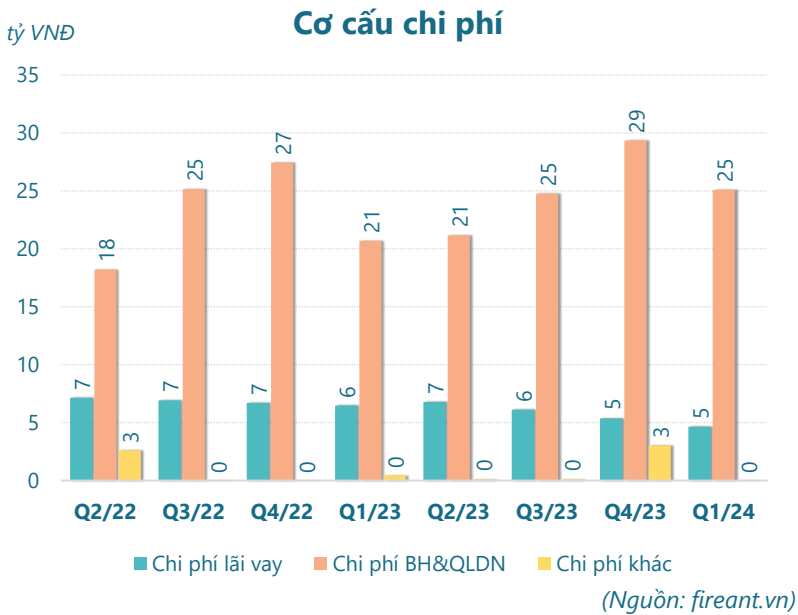
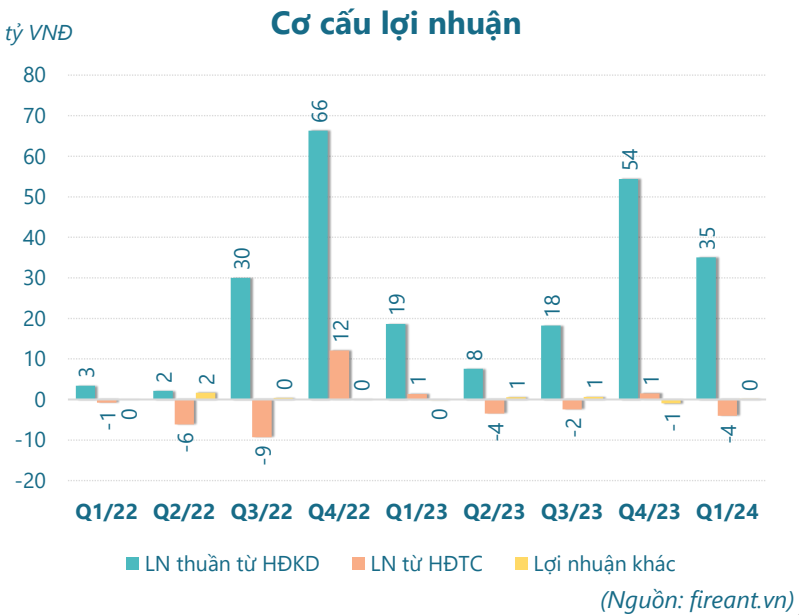
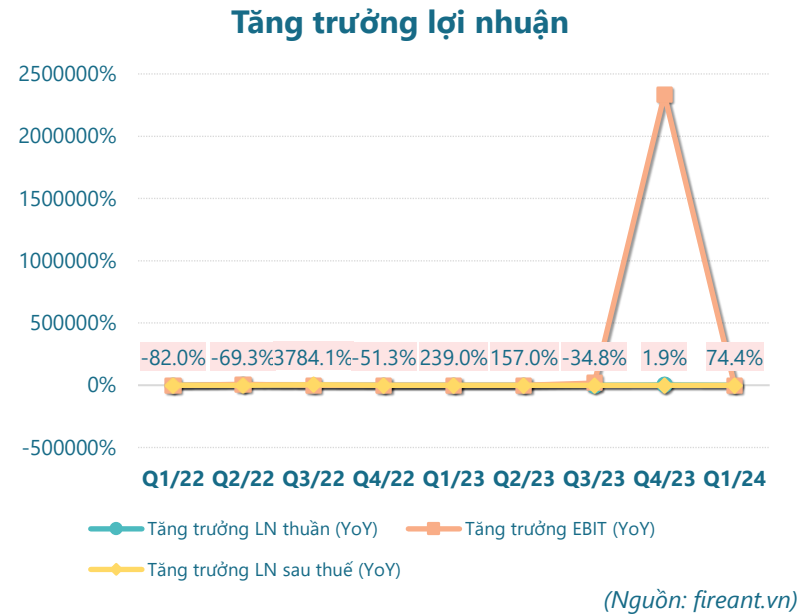
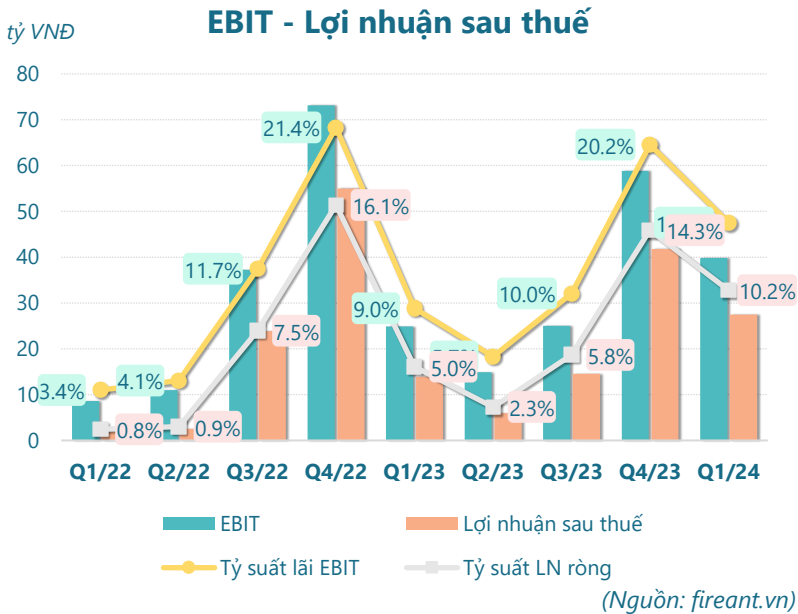
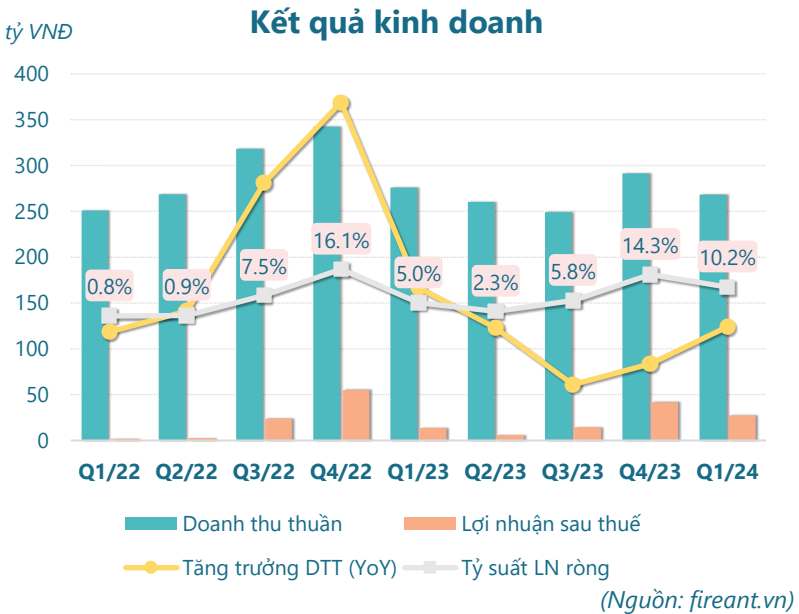
ROE

2023

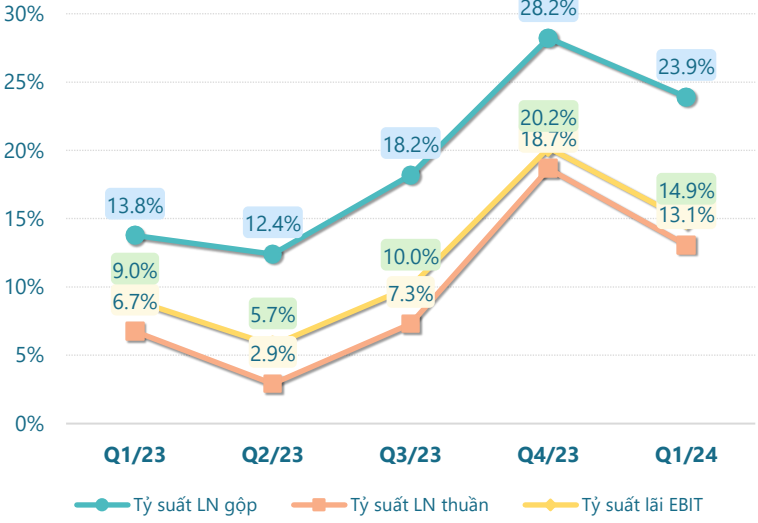
6.6%

+/- YoY: ▲ 0.2%



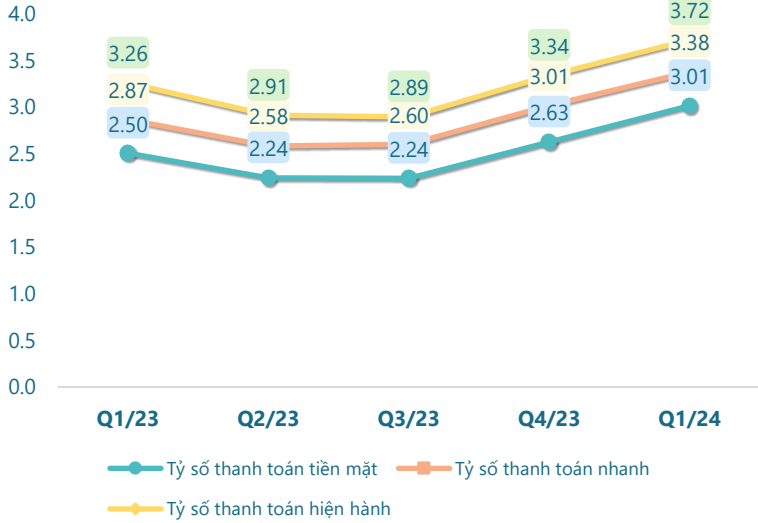


Tỷ suất lợi nhuận



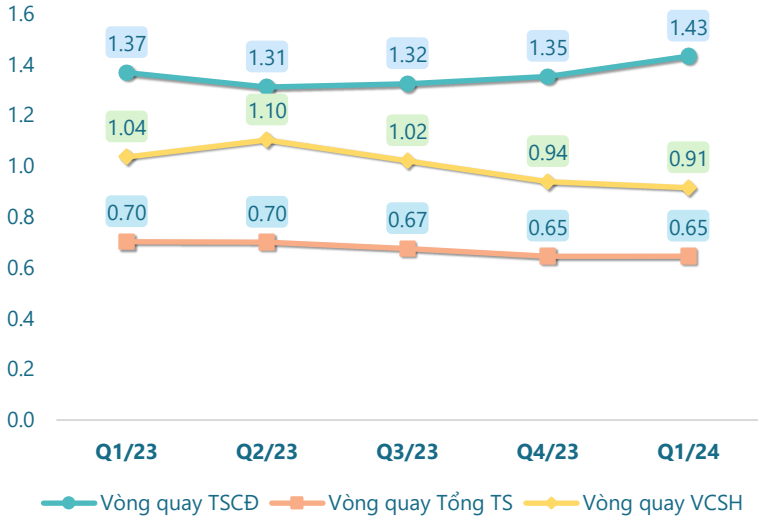
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



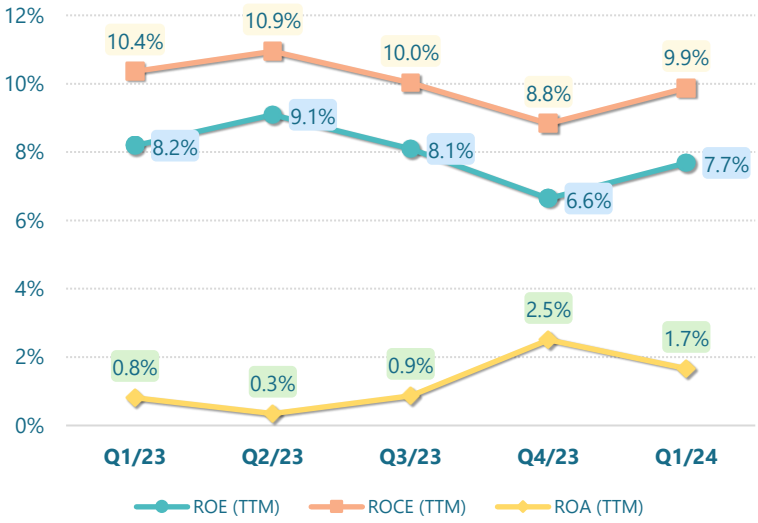
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



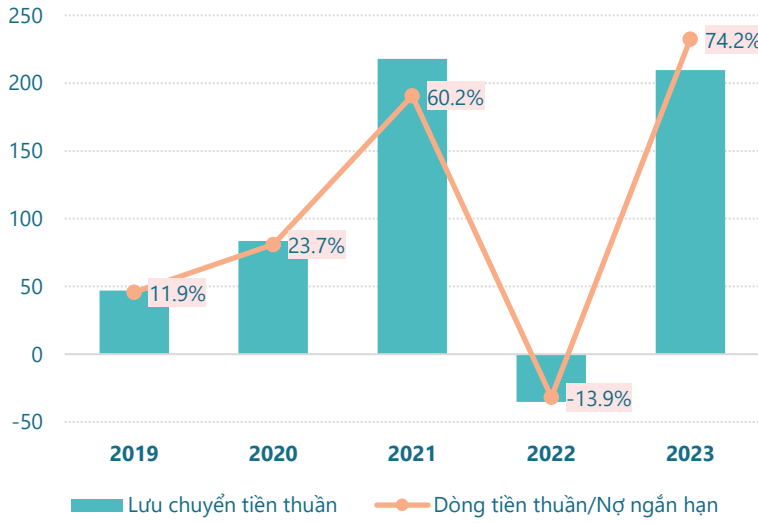
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



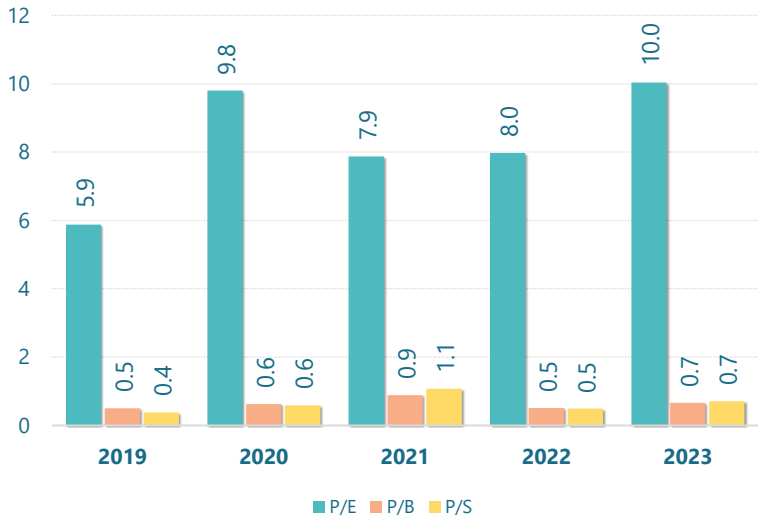
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)